

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH TTH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 574/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-8-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH TTH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Ly.

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Trục và bà Trần Thị Ngọc Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố H, tỉnh TTH.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố H, tỉnh TTH tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố H, tỉnh TTH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 469/2023/TLST- HNGĐ ngày 05/6/2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/7/2023 của Tòa án Nhân dân thành phố H, tỉnh TTH giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Xuân B, sinh năm 1990. Nơi thường trú: Thôn Hòa Tân, xã Cam Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng B.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 067, Quốc lộ 1A, ấp Long Khánh 3, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng N. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Ngô Thị H, sinh năm 2003. Nơi thường trú: Số 9 đường Lê Duẩn, tổ 7, khu vực 3, phường An Hòa, thành phố H, tỉnh TTH.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 02, xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng N. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 02 năm 2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Xuân B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Xuân B và chị Ngô Thị H quen biết nhau trong thời gian làm việc tại tỉnh Đồng N khoảng 5 tháng. Sau đó gia đình 2 bên có tổ chức các lễ hỏi, cưới theo phong tục địa phương; tiến hành đăng ký kết hôn ngày 07/02/2022 tại Ủy ban Nhân dân xã Cam Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng B

Sau đó vợ chồng về sinh sống tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu khoảng một thời gian thì chị Ngô Thị H mang thai và ra nhà cha mẹ anh Phạm Xuân B tại tỉnh Quảng B để sinh con; sau khi sinh con xong một thời gian thì chị Ngô Thị H đưa con về sống cùng anh Phạm Xuân B tại tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Trong thời gian này chị Ngô Thị H ở nhà chăm con, lo việc gia đình, còn anh Phạm Xuân B thì đi làm việc nuôi sống gia đình. Sống chung một thời gian tại tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn do chị Ngô Thị H bỏ nhà đi khi con chung khoảng 5 tháng mà không rõ lý do; đi khoảng 6 đến 7 ngày thì lại về nhà, anh Phạm Xuân B không biết đi đâu, làm gì. Theo anh Phạm Xuân B thì chị Ngô Thị H ham mê đánh bạc, đem bán tài sản trong gia đình để đi đánh bạc, anh Phạm Xuân B nhiều lần khuyên can nhưng chị Ngô Thị H không nghe. Trước tết nguyên đán năm 2023, chị Ngô Thị H đem tài sản để ra nhà, đưa con đi theo; còn anh Phạm Xuân B vẫn ở lại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để làm việc. Đến tết thì anh Phạm Xuân B ra thăm con nhưng không có ai; chị Ngô Thị H bồng con nhỏ bỏ đi đánh bạc, hứa hẹn với gia đình nhà chồng ra quê ăn tết nhưng ham mê cờ bạc không chịu ra, đến khi anh Phạm Xuân B phải vào Huế để đưa ra tỉnh Quảng B thì mới đồng ý ra; đến ngày 05 tết nguyên đán thì chị Ngô Thị H đưa con vào thành phố H sống cho đến nay, hiện nay đang sống ở miền nam. Hiện nay anh Phạm Xuân B biết chị Ngô Thị H đang có quan hệ với người đàn ông khác.

Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì gia đình nội ngoại để vợ chồng tự giải quyết. Do cuộc sống không hạnh phúc nên chúng tôi đã sống ly thân đến nay không còn ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay anh Phạm Xuân B không còn tình cảm thương yêu chị Ngô Thị H nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Ngô Thị H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Phạm Xuân L, sinh ngày 21/01/2021. Hiện nay người con chung dưới 36 tháng tuổi, đang sống với mẹ nên anh Phạm Xuân B đồng ý giao người con chung cho chị Ngô Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Anh Phạm Xuân B đồng ý đóng tiền cấp dưỡng nuôi người con chung Phạm Xuân L một tháng số tiền 2.000.000 đồng kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi người con chung trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Nếu sau này chị Ngô Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng người con chung không tốt, ảnh hưởng đến sự phát triển của con thì anh Phạm Xuân B sẽ làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con sau ly hôn.

- Về tài sản chung: Anh Phạm Xuân B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ tài sản chung: Anh Phạm Xuân B xác nhận vợ chồng không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản tự khai cá nhân, bị đơn chị Ngô Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Quá trình tìm hiểu, quen biết nhau, đăng ký kết hôn và nơi sinh sống cho đến nay thì chị Ngô Thị H đồng ý với lời khai của anh Phạm Xuân B. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì theo chị Ngô Thị H trình bày thời gian đầu cuộc sống chung hạnh phúc, nhưng không kéo dài được bao lâu thì xảy ra mâu thuẫn, cãi qua cãi lại vì không hợp nhau, không đồng quan điểm nên

chị Ngô Thị H bỗng con đi sống ở chỗ khác một thời gian; anh Phạm Xuân B có đi tìm để dành con chung với chị Ngô Thị H, nhưng chị Ngô Thị H không đồng ý nên vợ chồng sống ly thân; vợ chồng vẫn còn liên lạc với nhau. Nay anh Phạm Xuân B làm đơn ly hôn thì chị Ngô Thị H cũng đồng ý ly hôn; đề nghị Tòa án giải quyết sớm để vợ chồng ổn định cuộc sống, chăm sóc con.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên là Phạm Xuân L, sinh ngày 21/01/2021. Hiện nay người con chung đang sinh sống với chị Ngô Thị H và chưa đủ 36 tháng tuổi nên chị Ngô Thị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Phạm Xuân B cũng đồng ý đóng tiền cấp dưỡng nuôi người con một tháng số tiền 2.000.000 đồng, kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi người con chung đến trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Trong thời gian vợ chồng tôi sống ly thân thì anh Phạm Xuân B vẫn gửi tiền về để cho chị Ngô Thị H nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Ngô Thị H sẽ tạo điều kiện để anh Phạm Xuân B thăm nom con, nhưng không làm ảnh hưởng đến việc học hành, ăn ở của con.

- Về tài sản chung: Chị Ngô Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ tài sản chung: Chị Ngô Thị H xác nhận vợ chồng không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố H, tỉnh TTH phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn và người tham gia tố tụng khác kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Xuân B; anh Phạm Xuân B được ly hôn với chị Ngô Thị H.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Phạm Xuân B và chị Ngô Thị H là giao người con chung tên Phạm Xuân L, sinh ngày 21/01/2021 cho chị Ngô Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Phạm Xuân B tự nguyện đóng tiền cấp dưỡng nuôi người con chung Phạm Xuân L một tháng số tiền 2.000.000 đồng, kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi người con chung trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

- Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Phạm Xuân B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Anh Phạm Xuân B khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Ngô Thị H cư trú tại phường An Hòa, thành phố H, tỉnh TTH nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thành phố H, tỉnh TTH.

- Quá trình hòa giải, chị Ngô Thị H vắng mặt và có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; anh Phạm Xuân B cũng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Phạm Xuân B chị Ngô Thị H.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Xuân B và chị Ngô Thị H chung sống với nhau, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tiến hành đăng ký kết hôn ngày 07/02/2022 tại Ủy ban Nhân dân xã Cam Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng B nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Quá trình chung sống với nhau vợ chồng sinh sống hạnh phúc và sinh được 01 người con chung. Sau một thời gian sinh sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chính là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên nhiều lần chị Ngô Thị H bỏ con đi sinh sống ở chỗ khác; anh Phạm Xuân B có đi tìm đưa về nhưng chị Ngô Thị H không đồng ý dẫn đến vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Hiện nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn; anh Phạm Xuân B không muốn đoàn tụ gia đình; chị Ngô Thị H cũng đồng ý ly hôn. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phạm Xuân B được ly hôn với chị Ngô Thị H theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình là phù hợp.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Phạm Xuân L, sinh ngày 21/01/2021; anh Phạm Xuân B và chị Ngô Thị H thỏa thuận giao người con chung cho chị Ngô Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Phạm Xuân B tự nguyện có nghĩa vụ đóng tiền cấp dưỡng nuôi người con chung Phạm Xuân L một tháng số tiền 2.000.000 đồng, kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi người con chung trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện cần chấp nhận.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Xuân B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố H phù hợp với quan điểm Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Xuân B; anh Phạm Xuân B được ly hôn với chị Ngô Thị H.

2. Về con chung: Giao người con chung Phạm Xuân L, sinh ngày 21/01/2021 cho chị Ngô Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Phạm Xuân B có nghĩa vụ đóng tiền cấp dưỡng nuôi người con chung Phạm Xuân L một tháng số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng), kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi người con chung Phạm Xuân L đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Hiện nay người con chung Phạm Xuân L đang sống với chị Ngô Thị H.

Sau khi ly hôn anh Phạm Xuân B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Sau khi Bản án này có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Phạm Xuân B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Phạm Xuân B đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006055 ngày 05/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh TTH. Anh Phạm Xuân B còn phải tiếp tục nộp thêm số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TTH;
- VKSND TPH;
- Chi cục THADS TPH
- UBND xã Cam Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng B;
- (Đăng ký kết hôn ngày 07/02/2022)
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Ly